TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 10-4-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Ngọc Phương;

- Bà Lê Thị Ry.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11-Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Đại Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 731/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thanh N, sinh ngày 08-9-2001; CCCD số: 072301007817; ngày cấp: 11-8-2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; HKTT: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; hiện cư trú tại: Ấp N, phường N, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 23-8-1993; CCCD số: 072093003731; ngày cấp: 11-8-2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; HKTT và nơi cư trú hiện nay: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thanh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là UBND xã T, tỉnh Tây Ninh) vào năm 2019. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ cuối tháng 8/2025 do anh Đ và chị N không có tiếng nói chung, chị phát hiện anh Đ có nhắn tin với người phụ nữ khác nên chị N và anh Đ thường

xuyên cãi nhau. Ngoài ra khi sống chung cùng gia đình chồng, chị N mâu thuẫn với mẹ chồng về việc nuôi dạy và chăm sóc con cái. Ngày 07/11/2025, chị N đã về nhà mẹ ruột tại phường N, tỉnh Tây Ninh sống cho đến nay. Do nay không còn tình cảm với anh Đ nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị N và anh Đ có hai con chung tên Nguyễn Minh P, sinh ngày 21-3-2019 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23-11-2020. Nếu ly hôn, chị N đồng ý giao hai con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 12 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Minh Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đ thống nhất với chị N về thời gian chung sống và có kết hôn. Theo anh Đ, từ khi chung sống cho đến nay vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Anh thừa nhận tháng 8/2025 anh có nhắn tin với người phụ nữ khác nhưng nội dung tin nhắn chỉ hỏi thăm bình thường, các tin nhắn Zalo do chị N cung cấp là của anh đã nhắn tin cho bạn bè. Quá trình chung sống, khi đi làm về mẹ ruột anh có nhắc nhở chị N về vấn đề nuôi dạy con. Ngoài ra anh và chị N không còn mâu thuẫn nào khác. Do anh còn thương vợ và các con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Đ và chị N có hai con chung tên Nguyễn Minh P, sinh ngày 21-3-2019 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23-11-2020. Nếu ly hôn, anh Đ yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, anh Đ không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng một tháng, hai cháu là 2.000.000 đồng một tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01-5-2026 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng đồng ý với mức cấp dưỡng như chị N đã trình bày.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân - Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu khởi kiện ly hôn của chị Trương Thị N1 đối với anh Nguyễn Minh Đ.

Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Minh P, sinh ngày 21-03-2019 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23-11-2020, cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị N1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 02 con chung mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng; tổng 2.000.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 01-05-2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân:

[1.1] Chị Trương Thanh N và anh Nguyễn Minh Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là UBND xã T, tỉnh Tây Ninh) vào năm 2019. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Trương Thanh N, thấy rằng: Anh Đ thừa nhận quá trình chung sống với chị N anh có nhắn tin với người phụ nữ khác, lời khai của anh Đ phù hợp với các tin nhắn từ mạng xã hội Zalo do chị N cung cấp. Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện anh Đ và chị N có mâu thuẫn, chị N đã chuyển về nhà mẹ ruột sống từ tháng 11/2025 và ly thân với anh Đ cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Đ ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thanh N đối với anh Nguyễn Minh Đ.

[2] Về nuôi con chung: Chị N và anh Đ có hai con chung tên Nguyễn Minh P, sinh ngày 21-3-2019 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23-11-2020. Hiện nay hai cháu đang sống cùng anh Đ, cháu Nguyễn Minh P có nguyện vọng được sống cùng anh Đ, chị N và anh Đ cùng thống nhất giao hai con chung cho anh Đ nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xét thấy giao hai con chung cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Ghi nhận chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng một tháng, hai cháu tổng cộng 2.000.000 đồng một tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01-5-2026 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thanh N và anh Nguyễn Minh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Trương Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm nghìn) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự

và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thanh N và anh Nguyễn Minh Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao anh Nguyễn Minh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 21-3-2019 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23-11-2020.

Ghi nhận chị Trương Thanh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) một tháng, hai cháu tổng cộng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) một tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01-5-2026 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, chị Trương Thanh N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thanh N và anh Nguyễn Minh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012392 ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; chị Trương Thanh N còn phải nộp tiếp số tiền còn thiếu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Phòng Ktr-NV-THA,TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Tân Hội
(số 57/2019);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hồng Hà